

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP CÔNG TÁC
PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

TÓM TẮT

Số : 17

Ngày 08/5/2017

Bản tin hàng tuần
Ra ngày thứ hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn ưu đãi cho Thành phố Hồ Chí Minh.*
- Phạt đến 30 triệu đồng khi bán sim di động kích hoạt sẵn.*
- Tỷ lệ cho vay lại vốn ODA áp dụng cho Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh là 80%.*
- Đầu tư hơn 41 tỷ đồng cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới vùng sâu, vùng xa.*
- Đến năm 2020 sẽ có ít nhất 70% nữ đại biểu Quốc hội khóa XIV và nữ đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021.*
- Siết chặt quản lý tiền mặt, giấy tờ có giá và tài sản quý trong hệ thống kho bạc nhà nước.*

CÓ THỂ BẠN CHƯA BIẾT

Dự thảo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sửa đổi).

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- Những hành vi nào bị nghiêm cấm theo luật căn cước công dân?*
- Quyền và nghĩa vụ của công dân theo luật căn cước công dân?*
- Quy định về giá trị sử dụng thẻ căn cước công dân?*
- Trách nhiệm quản lý nhà nước về căn cước công dân?*

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

1. ƯU TIÊN BỔ TRÍ NGUỒN VỐN ƯU ĐÃI CHO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nghị định số 48/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 quy định một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM), trong đó huy động nguồn tài chính cho đầu tư phát triển Thành phố.

Theo đó, Nhà nước ưu tiên đầu tư về ngân sách và các nguồn tài chính khác nhằm phát triển kinh tế - xã hội để thành phố thực hiện vai trò trung tâm kinh tế- xã hội của khu vực và cả nước. Đối với một số công trình, dự án quan trọng có quy mô đầu tư lớn thuộc lĩnh vực môi trường, giao thông, thủy lợi do TP.HCM quản lý vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố (UBND TP) lập dự toán kèm theo đề nghị gửi Bộ kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách thành phố để triển khai thực hiện. Để sử dụng có hiệu quả quỹ đất thuộc thành phố quản lý, UBND TP được tạm ứng từ nguồn ngân sách thành phố hoặc từ nguồn vay theo quy định cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc nhiệm vụ đầu tư của ngân sách để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất. Sau khi thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất sẽ thu hồi hoàn trả ngân sách hoặc hoàn trả nguồn vốn vay.

Chính phủ ưu tiên bổ trí nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn ưu đãi cho thành

phố để đầu tư các chương trình, dự án xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị, môi trường và chương trình, dự án có khả năng thu hồi vốn. Việc bổ trí vốn đầu tư cho các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA và nguồn vốn ưu đãi trên địa bàn thành phố được thực hiện theo nguyên tắc: đối với chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố, Chính phủ cho thành phố vay lại hoặc cấp phát một phần theo quy định của pháp luật. Thành phố có trách nhiệm bổ trí vốn đối ứng từ ngân sách thành phố để thực hiện và hoàn trả gốc, lãi phần vay lại đầy đủ, đúng hạn theo quy định của pháp luật; đối với các doanh nghiệp thuộc thành phố quản lý được vay lại để đầu tư chương trình, dự án có khả năng thu hồi một phần hoặc toàn bộ vốn vay. Các doanh nghiệp thuộc thành phố quản lý phải hoàn trả gốc, lãi vay theo đúng thời hạn quy định.

UBND TP được quyền quyết định tiếp nhận các khoản viện trợ không hoàn lại cho thành phố không phụ thuộc vào quy mô viện trợ; riêng đối với các khoản viện trợ có liên quan đến tôn giáo, an ninh phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định; ngoài nguồn vốn huy động cho các công trình, dự án thuộc đối tượng đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, đối với các dự án khác có khả năng thu hồi vốn hoặc các dự án chỉ có khả năng thu hồi một phần vốn đầu tư, UBND TP quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật việc huy động đầu tư theo

hình thức đối tác công tư (PPP) theo quy định của pháp luật, bao gồm: BOT (xây dựng- kinh doanh- chuyển giao), BTO (xây dựng- chuyên giao – kinh doanh), BT (xây dựng – chuyên giao), BOO (xây dựng- sở hữu- kinh doanh), BTL (xây dựng- chuyên giao- thuê dịch vụ), BLT (xây dựng – thuê dịch vụ- chuyên giao), O&M (kinh doanh- quản lý).

Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, thành phố tham gia thực hiện các dự án theo các hoạt động; góp vốn để hỗ trợ xây dựng công trình đối với dự án có hoạt động kinh doanh, thu phí từ người sử dụng, nhưng khoản thu không đủ để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận; thanh toán cho nhà đầu tư cung cấp dịch vụ theo hợp đồng BLT, hợp đồng BOT; hỗ trợ xây dựng công trình phụ trợ, tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/6/2017.

2. PHẠT ĐẾN 30 TRIỆU ĐỒNG KHI BÁN SIM DI ĐỘNG KÍCH HOẠT SẴN

Đây là nội dung được Chính phủ quy định tại Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 về sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 6/4/2011 và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013.

Theo đó, SIM thuê bao di động (thiết bị đã được gắn một số thuê bao xác định và chứa các dữ liệu, thông tin liên quan khác dùng cho việc cung

cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông di động) chỉ được cung cấp cho các cá nhân, tổ chức tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông và sau khi điểm cung cấp dịch vụ viễn thông đã hoàn thành các quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP. Doanh nghiệp viễn thông được cấp phép thiết lập mạng, cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất, vệ tinh chỉ được cung cấp dịch vụ viễn thông di động cho thuê bao sau khi đã hoàn thành việc rà soát, kiểm tra, bảo đảm thông tin thuê bao của các cá nhân, tổ chức trong cơ sở dữ liệu tập trung của mình đã được đối chiếu, nhập, lưu giữ, quản lý đúng quy định.

Đối với thuê bao di động có thông tin thuê bao không đúng quy định, doanh nghiệp viễn thông phải thông báo liên tục trong ít nhất 5 ngày, mỗi ngày ít nhất một lần yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện lại việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 6, khoản 7 Điều 15 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP. Trường hợp cá nhân, tổ chức không thực hiện theo yêu cầu, doanh nghiệp viễn thông tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông một chiều sau 15 ngày kể từ ngày đầu tiên gửi thông báo đồng thời thông báo thuê bao sẽ bị tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông hai chiều sau 15 ngày tiếp theo nếu không thực hiện.

Để chấn chỉnh các hành vi vi phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện phạt tiền từ 800.000

đồng đến 1.000.000 đồng trên mỗi số thuê bao đối với doanh nghiệp viễn thông di động đã cung cấp dịch vụ cho chủ thuê bao có thông tin thuê bao không đúng quy định; phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trên mỗi điểm cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông di động chấp nhận giấy tờ không đúng quy định.

Đối với hành vi: Bán SIM thuê bao di động khi không được doanh nghiệp viễn thông di động ký hợp đồng ủy quyền giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; bán, lưu thông trên thị trường SIM thuê bao đã được nhập sẵn thông tin thuê bao, kích hoạt sẵn dịch vụ di động trả trước; bán, lưu thông trên thị trường thiết bị đầu cuối không dùng SIM đã được nhập sẵn thông tin thuê bao, kích hoạt sẵn dịch vụ di động trả trước; mua bán, trao đổi hoặc sử dụng SIM đa năng, thiết bị có chức năng kích hoạt sẵn dịch vụ cho SIM thuê bao không cần phải bỏ SIM để sẵn nhập thông tin thuê bao, kích hoạt sẵn dịch vụ di động trả trước cho SIM thuê bao; không đăng tải trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp danh sách các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông hoặc đăng tải danh sách không đầy đủ thông tin theo quy định bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/4/2017.

3. TỶ LỆ CHO VAY LẠI VỐN ODA ÁP DỤNG CHO HÀ NỘI VÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH LÀ 80%

Ngày 28/4/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2017/NĐ-CP về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Theo đó, tỷ lệ cho vay lại nguồn vốn vay ODA cho các dự án đầu tư phát triển kinh tế- xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương do UBND cấp tỉnh đề xuất. UBND cấp tỉnh được vay lại từ nguồn vay ODA và vay ưu đãi khi đáp ứng các điều kiện có dự án được cấp có thẩm quyền cho phép huy động vốn vay để thực hiện đầu tư phát triển kinh tế - xã hội hoặc dự án có phần vốn góp của ngân sách địa phương theo phương thức hợp tác công tư, thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật Đầu tư công.

Dự án được bố trí vốn đối ứng để thực hiện phù hợp với quy định hiện hành, tổng mức dư nợ vay của ngân sách địa phương tại thời điểm thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án không vượt quá hạn mức dư nợ của ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, không có nợ vay lại của Chính phủ quá hạn trên 180 ngày. Nghĩa vụ trả nợ hàng năm của UBND cấp tỉnh đối với các khoản vay lại vốn ODA, vay ưu đãi không vượt quá 10% nguồn thu ngân sách địa phương được

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

hưởng theo phân cấp tại thời điểm xem xét khoản vay lại.

Tỉ lệ cho vay lại nguồn vốn vay ODA cho các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương do UBND cấp tỉnh đề xuất; tỉ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 70% trở lên áp dụng tỉ lệ cho vay lại là 10% vốn vay ODA; tỉ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 50% đến dưới 70% áp dụng tỉ lệ cho vay lại là 30% vốn vay ODA; tỉ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương dưới 50% áp dụng tỉ lệ cho vay lại là 30% vốn vay ODA; tỉ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương dưới 50% áp dụng tỉ lệ cho vay lại là 30% vốn vay ODA; địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương (trừ Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh) áp dụng tỉ lệ cho vay lại là 50% vốn vay ODA, Hà Nội và TP Hồ Chí Minh vay lại 80% vốn ODA.

Tỉ lệ cho vay vốn ưu đãi cho các dự án đầu tư phát triển kinh tế- xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương do UBND cấp tỉnh đề xuất: tỉ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 70% trở lên, áp dụng tỉ lệ cho vay lại là 30% vốn vay ưu đãi; địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương ngoài các địa phương nêu trên áp

dụng tỉ lệ cho vay lại là 70% vốn vay ưu đãi; địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương áp dụng tỉ lệ cho vay lại là 100% vốn vay ưu đãi. Tỉ lệ cho vay vốn ODA, vay ưu đãi sử dụng làm phần đóng góp của địa phương trong các dự án hợp tác công tư (PPP) là 70%.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/6/2017.

4. ĐẦU TƯ HƠN 41 TỶ ĐỒNG CHO HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHIM TỚI VÙNG SÂU, VÙNG XA

Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Chính sách đặc thù hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn.

Theo đó, nhà nước đầu tư thiết bị phù hợp cho một số Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng; Trung tâm Điện ảnh do ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý, bao gồm: trang bị 68 bộ thiết bị chiếu phim (máy chiếu phim lưu động kỹ thuật số và hệ thống trang thiết bị kỹ thuật đi kèm) cho các đội chiếu phim thuộc 30 Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng, Trung tâm Điện ảnh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có điều kiện đặc thù (30 tỉnh); trang bị 25 xe ô tô chuyên dùng (hoặc phương tiện vận chuyển cơ giới chuyên dùng khác theo đặc điểm địa lý của các địa phương) cho 25 Trung tâm Phát hành phim và

chiếu bóng, Trung tâm Điện ảnh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có điều kiện đặc thù (25 tỉnh).

Nội dung đầu tư cơ sở vật chất (thiết bị chiếu phim, ô tô chuyên dùng chiếu phim lưu động) được thực hiện trong 02 năm (từ năm 2017 đến năm 2018) với tổng mức kinh phí đầu tư là 41,650 tỷ đồng. Trong đó, năm 2017, có 30 tỉnh được hỗ trợ 34 bộ thiết bị chiếu phim và 12 tỉnh được hỗ trợ 12 xe ô tô chuyên dùng chiếu phim lưu động, tương đương với số kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương và thông báo bổ sung kinh phí cho địa phương là 20,4 tỷ đồng; năm 2018, có 19 tỉnh được hỗ trợ 34 bộ thiết bị chiếu phim và 13 tỉnh được hỗ trợ 13 xe ô tô chuyên dùng chiếu phim lưu động, tương đương với số kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương và thông báo bổ sung kinh phí cho địa phương là 21,250 tỷ đồng.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/5/2017.

5. ĐẾN NĂM 2020 SẼ CÓ ÍT NHẤT 70% NỮ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XIV VÀ NỮ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016-2021 ĐƯỢC TRANG BỊ KIẾN THỨC VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Ngày 25/4/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 565/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020 với mục tiêu phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội cho đối tượng yếu thế theo hướng hội nhập quốc tế; tạo môi trường sống an

toàn, thân thiện và lành mạnh cho trẻ em; giảm khoảng cách giới trong những lĩnh vực, ngành, vùng, địa phương có bất bình đẳng giới hoặc có nguy cơ bất bình đẳng giới cao; nâng cao chất lượng, hiệu quả cai nghiện ma túy, tuyên truyền phòng, chống mại dâm, hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán trở về, góp phần đảm bảo an sinh trật tự và an toàn xã hội, hướng tới mục tiêu công bằng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Cụ thể, đến năm 2020, nâng tỷ lệ cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập lên 55%; Tăng tỷ lệ người có hoàn cảnh khó khăn được tư vấn, hỗ trợ và quản lý ca từ các cơ sở trợ giúp xã hội lên 30%; Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn kỹ năng cho 30% số cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội. Phấn đấu 80% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển; giảm tỷ lệ gia tăng số trẻ em bị xâm hại; có kế hoạch hỗ trợ, can thiệp 90% trẻ em có nguy cơ cao bị xâm hại, trẻ em bị xâm hại; 90% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quản lý, theo dõi; ít nhất 70% nữ đại biểu Quốc hội khóa XIV, nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, nữ cán bộ quản lý, lãnh đạo và 50% nữ cán bộ trong diện quy hoạch được trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng quản lý, lãnh đạo và các kỹ năng mềm; 50% nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ hỗ trợ; 50% số người gây bạo lực hoặc có nguy cơ gây bạo lực được

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

phát hiện, tư vấn; 90% người nghiện ma túy có quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; 90% xã, phường được tuyên truyền về phòng, chống tệ nạn mại dâm; 90% số nạn nhân bị mua bán được phát hiện, được tư vấn, hỗ trợ và chăm sóc.

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình là 10,266 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn nhưng không vượt quá 11,655 tỷ đồng), trong đó, ngân sách trung ương là 2,956 tỷ đồng; ngân sách địa phương

là 4,980 tỷ đồng và vốn huy động hợp pháp khác là 2,330 tỷ đồng.

Các dự án thành phần thuộc Chương trình gồm 04 dự án: dự án phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế; dự án phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em; dự án hỗ trợ thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới và dự án phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người bán dâm và nạn nhân bị mua bán.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/4/2017.

VĂN BẢN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

6. SIẾT CHẶT QUẢN LÝ TIỀN MẶT, GIẤY TỜ CÓ GIÁ VÀ TÀI SẢN QUÝ TRONG HỆ THỐNG KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Nhằm tăng cường hiệu lực pháp lý cũng như để phù hợp mục tiêu cải cách hành chính và thực tiễn hoạt động của quỹ ngân sách nhà nước, ngày 20/4/2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 33/2017/TT-BTC quy định chế độ quản lý tiền mặt, giấy tờ có giá, tài sản quý trong hệ thống Kho bạc Nhà nước.

Theo đó, mọi khoản thu, chi tiền mặt phải căn cứ vào chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lệ. Chứng từ kế toán của ngày nào phải thực hiện thu, chi ngay trong ngày đó, đồng thời phải ghi chính xác, kịp thời vào các sổ nghiệp vụ. Khách hàng nộp tiền mặt

phải chứng kiến công chức Kho bạc kiểm đếm. Trường hợp khách hàng nộp tiền nhưng việc kiểm đếm, giao nhận chưa hoàn thành do hết giờ làm việc, nếu khách hàng có nhu cầu gửi tiền tại kho tiền của Kho bạc Nhà nước thì tự niêm phong bao, hòm tiền trước sự chứng kiến của Ban Quản lý kho và làm thủ tục gửi kho theo bao, hòm niêm phong. Khách hàng khi nhận tiền mặt phải xuất trình giấy chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân, ghi rõ họ tên và ký trên chứng từ, bảng kê chi tiền đồng thời kiểm đếm, xác nhận đã nhận đủ tiền trước khi rời khỏi quầy giao dịch của Kho bạc Nhà nước. Trước khi chi tiền cho khách hàng, nếu bó tiền còn nguyên niêm phong thì công chức Kho bạc Nhà nước chi tiền phải xé, bỏ

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

niêm phong và giao cho khách hàng kiểm đếm. Kho bạc Nhà nước không chịu trách nhiệm đền bù số tiền mặt nếu thiếu, mất khi khách hàng đã ký tên trên chứng từ kế toán và bảng kê sau khi rời khỏi quầy giao dịch. Không thu vào quỹ các loại tiền khách hàng đem nộp như tiền giả, tiền nghi giả, tiền mẫu, tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông có tính chất phá hoại. Nếu phát hiện các loại tiền như trên, công chức Kho bạc Nhà nước thu tiền lập biên bản, giữ hiện vật và xử lý theo quy định.

Trường hợp thừa tiền mặt chưa rõ nguyên nhân, kế toán lập phiếu thu, hạch toán số tiền này vào tài khoản thừa, thiếu chờ xử lý; thừa giấy tờ có giá, tài sản quý chưa rõ nguyên nhân, kế toán lập phiếu thu, hạch toán số thừa vào tài khoản ngoài bảng chờ xử lý. Trường hợp thiếu tiền mặt, giấy tờ có giá, tài sản quý trong bó, túi nguyên niêm phong của Kho bạc thì công chức có tên ký trên niêm phong chịu trách nhiệm bồi hoàn; thiếu tiền mặt, giấy tờ có giá, tài sản quý do công chức nào quản lý thì công chức đó chịu trách nhiệm bồi hoàn. Không được lấy số tiền mặt, giấy tờ có giá, tài sản quý thừa bù trừ cho số tiền mặt, giấy tờ có giá, tài sản quý thiếu (chỉ được bù trừ của bó thừa cho bó

thiếu nếu trên niêm phong ghi tên của cùng một người đã kiểm đếm, đóng gói trong cùng một ngày).

Trưởng ban Quản lý kho tiền chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, đảm bảo an toàn, bí mật tiền mặt, giấy tờ có giá và các loại tài sản khác bảo quản trong kho tiền; trang bị những phương tiện, thiết bị đảm bảo an toàn kho quỹ theo quy định; chỉ đạo áp dụng các biện pháp cần thiết chống mất mát, nhầm lẫn, đề phòng trộm cướp, cháy nổ, lụt bão, ẩm mốc, mối mọt, chuột, gián và nguyên nhân khác, đảm bảo chất lượng tiền, tài sản bảo quản trong kho; quản lý và sử dụng chìa khoá một ổ khoá thuộc lớp ngoài cánh cửa kho tiền; trực tiếp mở, khoá cửa kho tiền; cùng vào, ra với các thành viên Ban Quản lý kho tiền để giám sát việc xuất, nhập, bảo quản tiền, giấy tờ có giá, tài sản quý trong kho tiền; trực tiếp tham gia kiểm quỹ, kiểm kê kho tiền theo quy định và xác định nguyên nhân thừa, thiếu tiền mặt, giấy tờ có giá, tài sản quý trong kho quỹ.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/6/2017 và thay thế Quyết định số 61/2002/QĐ-BTC ngày 17/5/2002 của Bộ Tài chính.

DỰ THẢO LUẬT TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC (SỬA ĐỔI)

Dự thảo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sửa đổi) hiện đang được Chính phủ tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ trước khi trình Quốc hội.

Theo đó, việc bồi thường của Nhà nước chỉ được thực hiện theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Nhà nước chỉ bồi thường sau khi hành vi gây thiệt hại của người thi hành công vụ đã được xác định tại văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và có yêu cầu bồi thường. Nhà nước chỉ bồi thường cho người bị thiệt hại các thiệt hại được quy định tại Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Trường hợp người bị thiệt hại có một phần lỗi trong việc gây ra thiệt hại thì Nhà nước chỉ bồi thường phần thiệt hại sau khi trừ đi phần thiệt hại tương ứng với phần lỗi của người bị thiệt hại. Nhà nước sẽ không bồi thường thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị thiệt hại hoặc do sự kiện bất khả kháng theo quy định của Bộ luật Dân sự hoặc do người bị thiệt hại không áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại cho chính mình.

Thời hiệu yêu cầu bồi thường là 03 năm, kể từ ngày người bị thiệt hại nhận được văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, trừ yêu cầu phục hồi Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

đanh dự. Thời hiệu yêu cầu bồi thường trong quá trình khởi kiện vụ án hành chính được xác định theo thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính.

Nhà nước có trách nhiệm giải quyết bồi thường khi có đủ các căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại, cụ thể: có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường theo quy định và có yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hoặc Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án, vụ việc dân sự giải quyết bồi thường; sau khi Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính đã xác định có hành vi trái pháp luật của người bị kiện là người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và có yêu cầu bồi thường trước hoặc tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại; sau khi Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự đã xác định có hành vi trái pháp luật của bị cáo là người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng dân sự, tổ tụng hành chính, thi hành án dân sự, thi hành án hình sự và có yêu cầu bồi thường trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; sau khi Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự đã xác định có hành vi trái pháp luật gây oan của bị cáo là người tiến hành tổ tụng

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

gây thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự và có yêu cầu bồi thường trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; có thiệt hại thực tế của người bị thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường quy định; có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế và hành vi gây thiệt hại. Cơ quan giải quyết bồi thường không thu các khoản án phí, lệ phí và các loại phí khác đối với nội dung yêu cầu bồi thường thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định. Người bị thiệt hại không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản tiền bồi thường được nhận.

Người thi hành công vụ gây thiệt hại có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân sách nhà nước một phần hoặc toàn bộ khoản tiền mà Nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại, cụ thể: người thi hành công vụ có lỗi cố ý gây thiệt hại mà có bản án đã có hiệu lực pháp luật tuyên người đó phạm

tội, thì phải hoàn trả toàn bộ số tiền mà Nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại. Người thi hành công vụ có lỗi cố ý gây thiệt hại nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thì mức hoàn trả từ 30 đến 50 tháng lương của người đó tại thời điểm có quyết định hoàn trả nhưng tối đa không quá 50% số tiền mà Nhà nước đã bồi thường. Người thi hành công vụ có lỗi vô ý gây thiệt hại, thì mức hoàn trả từ 03 đến 05 tháng lương của người đó tại thời điểm có quyết định hoàn trả nhưng tối đa không quá 50% số tiền mà Nhà nước đã bồi thường. Ngoài ra, người thi hành công vụ gây thiệt hại phải hoàn trả 01 tháng lương của người đó tại thời điểm quyết định việc hoàn trả. Trường hợp có nhiều người thi hành công vụ cùng gây thiệt hại thì những người đó có nghĩa vụ hoàn trả tương ứng với mức độ gây thiệt hại của mình.

Dự kiến Luật sẽ được trình Quốc hội khóa XIV vào Quý II/2017.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Những hành vi nào bị nghiêm cấm theo luật căn cước công dân?

***Trả lời:** Điều 7 Luật căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014 quy định các hành vi bị nghiêm cấm sau đây:

1. Cản trở thực hiện các quy định của Luật này.

2. Cắp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân trái quy định của pháp luật.

3. Sách nhiễu, gây phiền hà khi giải quyết thủ tục về căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

4. Làm sai lệch sổ sách, hồ sơ về công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, không đầy đủ, cung cấp trái quy định

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

Số 17 ngày 08/5/2017 trang 10/12

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

của pháp luật thông tin, tài liệu về căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; lạm dụng thông tin về công dân theo quy định của Luật này gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Làm lộ bí mật thông tin thuộc Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

6. Thu, sử dụng phí, lệ phí trái quy định của pháp luật.

7. Làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung thẻ Căn cước công dân; chiếm đoạt, sử dụng trái phép thẻ Căn cước công dân của người khác; thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, cầm cố, nhận cầm cố, hủy hoại thẻ Căn cước công dân; sử dụng thẻ Căn cước công dân giả.

8. Truy cập trái phép, làm thay đổi, xóa, hủy, phát tán thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

9. Thu hồi, tạm giữ thẻ Căn cước công dân trái quy định của pháp luật.

2. Hỏi: *Quyền và nghĩa vụ của công dân theo luật căn cước công dân?*

***Trả lời:** Quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện luật căn cước công dân được quy định tại Điều 5 Luật căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014 như sau:

1. Công dân có quyền:

a) Được đảm bảo bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, trừ trường hợp cung cấp thông tin, tài liệu theo luật định;

b) Yêu cầu cơ quan quản lý căn cước công dân cập nhật, chỉnh sửa thông tin khi thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân hoặc thẻ Căn cước công dân chưa có, chưa chính xác hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật;

c) Được cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân theo quy định của Luật này;

d) Sử dụng thẻ Căn cước công dân của mình trong giao dịch, thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của công dân;

đ) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm pháp luật về căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

2. Công dân có nghĩa vụ sau đây:

a) Chấp hành quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;

b) Làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân theo quy định của Luật này;

c) Cung cấp đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn thông tin, tài liệu của bản thân để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước công dân theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;

d) Xuất trình thẻ Căn cước công dân khi người có thẩm quyền yêu cầu kiểm tra theo quy định của pháp luật;

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

đ) Bảo quản, giữ gìn thẻ Căn cước công dân đã được cấp; khi mất phải kịp thời trình báo với cơ quan quản lý căn cước công dân;

e) Nộp lại thẻ Căn cước công dân cho cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp đổi, bị thu hồi, tạm giữ thẻ theo quy định tại Điều 23 và Điều 28 của Luật này.

3. Người đang mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi thông qua người đại diện hợp pháp của mình thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều này.

3. Hỏi: *Quy định về giá trị sử dụng thẻ căn cước công dân?*

***Trả lời:** Điều 20 Luật căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014 quy định giá trị sử dụng của thẻ Căn cước công dân như sau:

1. Thẻ Căn cước công dân là giấy tờ tùy thân của công dân Việt Nam có giá trị chứng minh về căn cước công dân của người được cấp thẻ để thực hiện các giao dịch trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Thẻ Căn cước công dân được sử dụng thay cho việc sử dụng hộ chiếu trong trường hợp Việt Nam và nước ngoài ký kết điều ước hoặc thỏa thuận quốc tế cho phép công dân nước ký kết được sử dụng thẻ Căn cước công dân thay cho việc sử dụng hộ chiếu trên lãnh thổ của nhau.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được yêu cầu công dân xuất

trình thẻ Căn cước công dân để kiểm tra về căn cước và các thông tin quy định tại Điều 18 của Luật này; được sử dụng số định danh cá nhân trên thẻ Căn cước công dân để kiểm tra thông tin của người được cấp thẻ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

Khi công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đó không được yêu cầu công dân xuất trình thêm giấy tờ khác chứng nhận các thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

4. Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích chính đáng của người được cấp thẻ Căn cước công dân theo quy định của pháp luật.

4. Hỏi: *Trách nhiệm quản lý nhà nước về căn cước công dân?*

***Trả lời:** Điều 34 Luật căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014 quy định vấn đề này như sau:

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước công dân./.